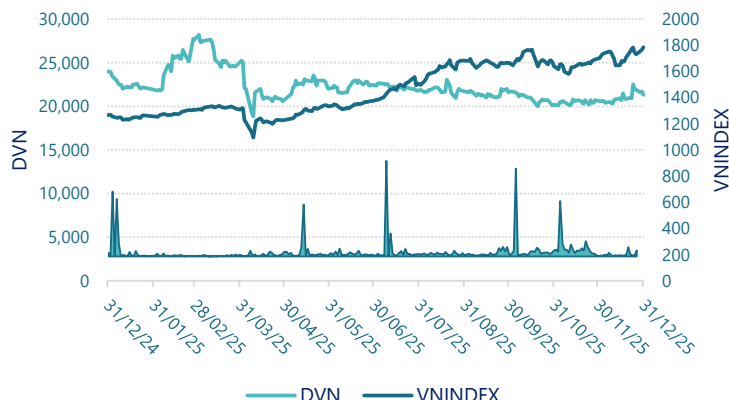




Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (UPCOM: DVN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,832
SL cổ phiếu LH	237,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	333,775
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,048
P/E	8.2
EPS	2,612

DT thuần

Q4/25

1,691

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 364 | 27.5%

YoY: ▲ 113 | 7.2%

LN sau thuế

Q4/25

340

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 248 | 269%

YoY: ▲ 285 | 523%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.7%

+/- YoY: ▲ 3.5%

DT thuần

2025

5,662

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 140 | 2.5%

LN sau thuế

2025

671

tỷ VNĐ

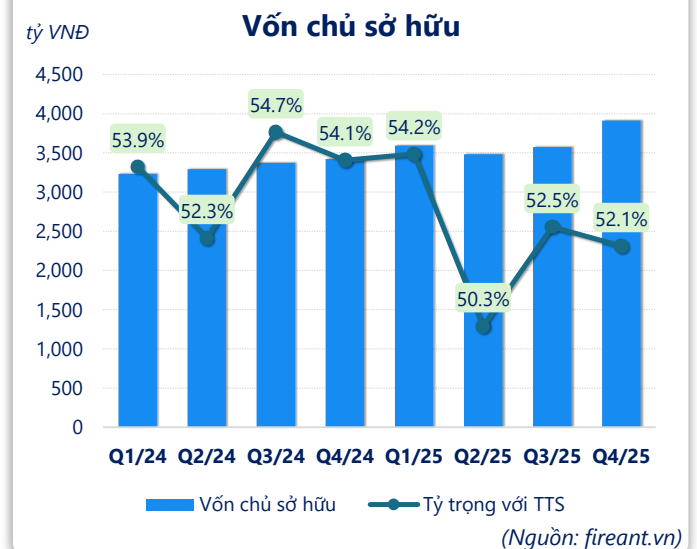
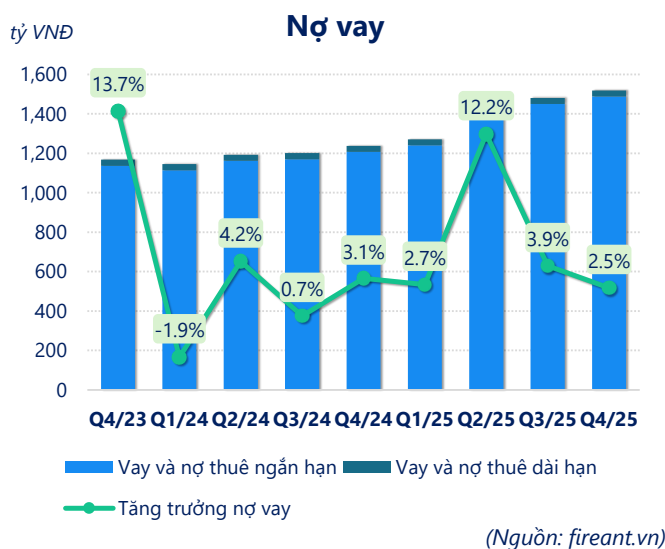
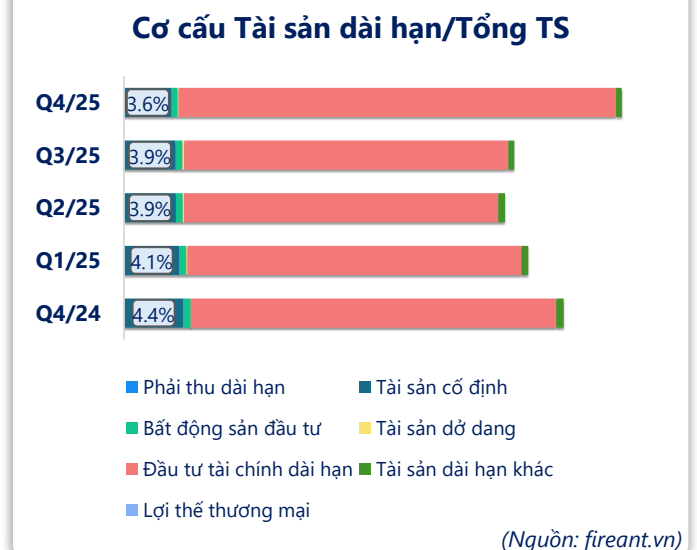
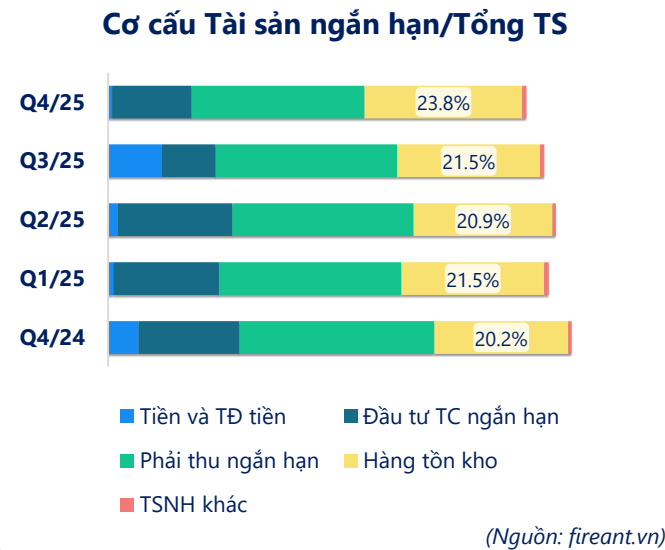
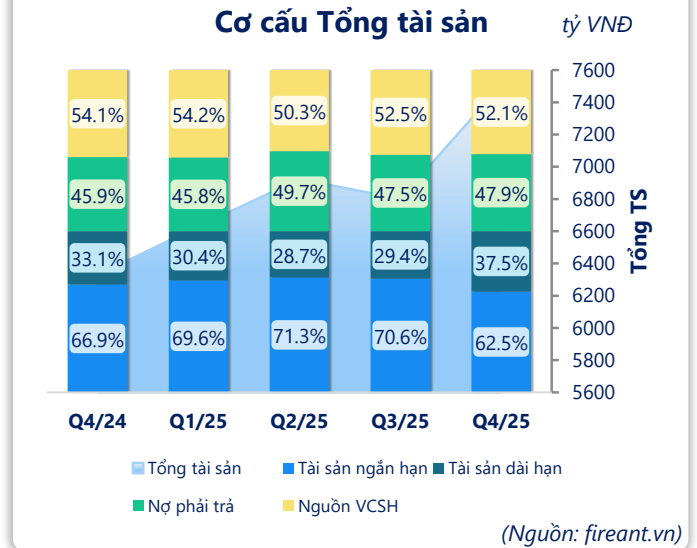
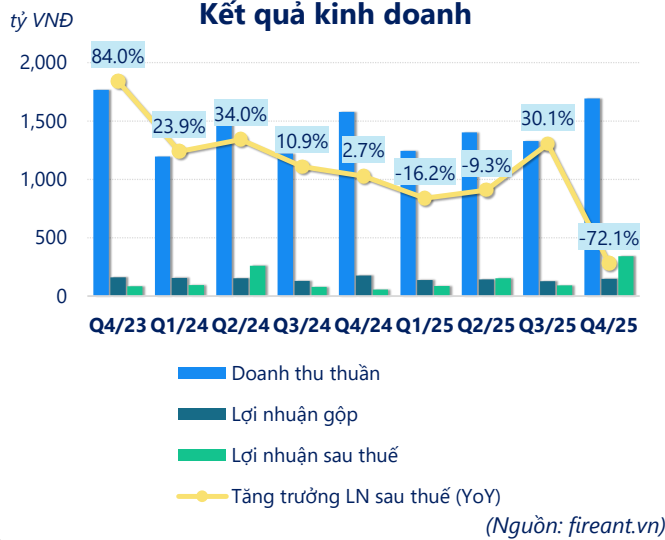
YoY: ▲ 203 | 43.3%

ROE

2025

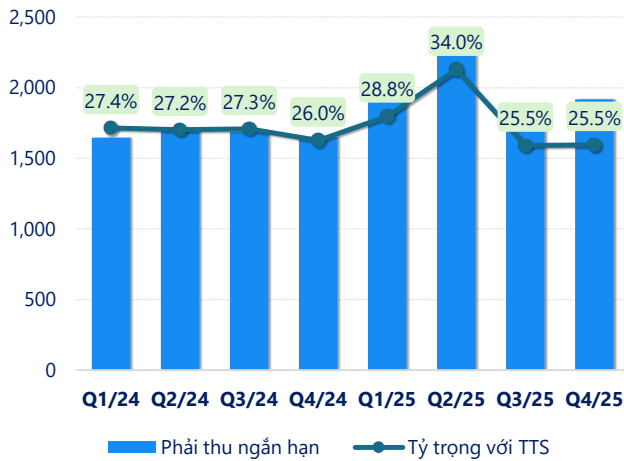
16.7%

+/- YoY: ▲ 4.0%



tỷ VNĐ

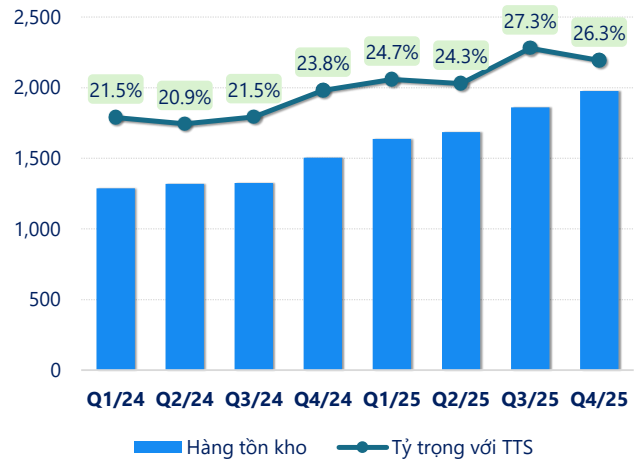
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

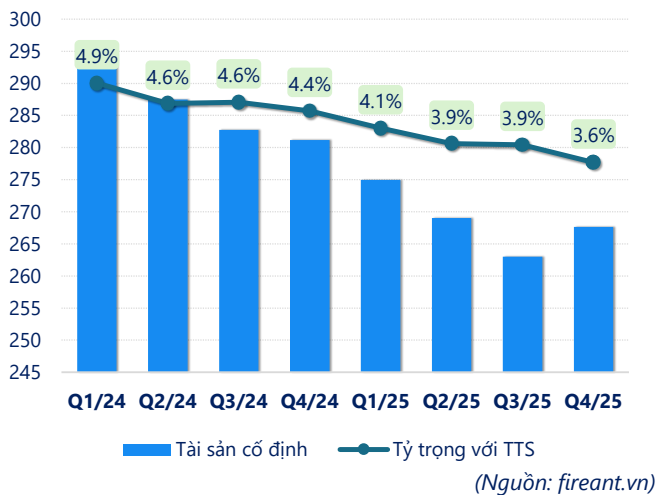
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

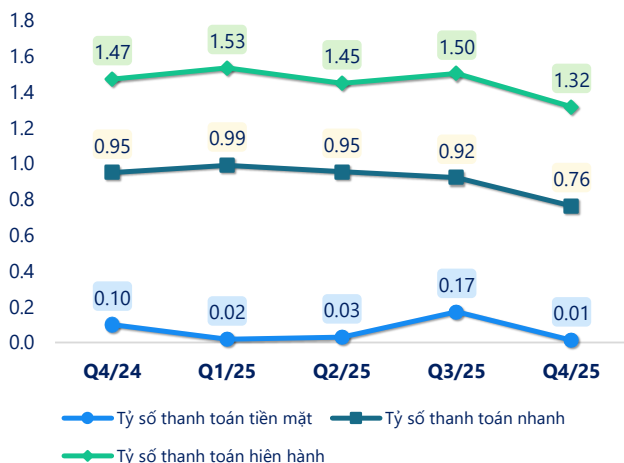
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



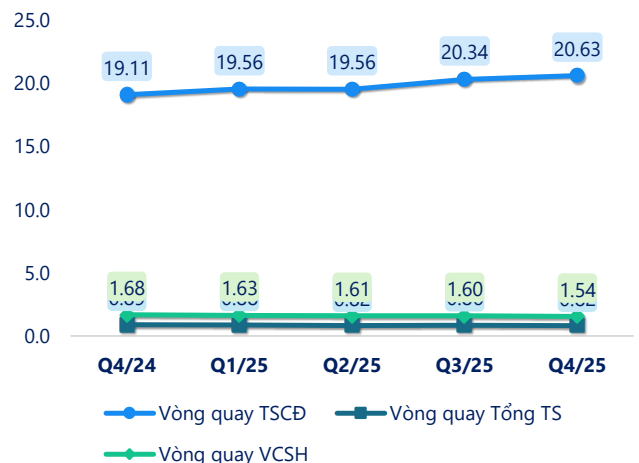
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	6,328	6,629	6,923	6,802	7,506
Tài sản ngắn hạn	4,235	4,613	4,939	4,806	4,695
Tiền và tương đương tiền	289	52.9	99.9	549	44.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	756	976	764	621	702
Phải thu ngắn hạn	1,648	1,906	2,357	1,731	1,917
Hàng tồn kho	1,503	1,638	1,686	1,860	1,975
Tài sản ngắn hạn khác	39.5	39.9	32.5	43.3	56.0
Tài sản dài hạn	2,093	2,017	1,984	1,996	2,811
Phải thu dài hạn	0.65	0.72	1.44	1.37	1.39
Tài sản cố định	281	275	269	263	268
Bất động sản đầu tư	35.8	35.5	35.2	35.0	34.8
Tài sản dở dang	0.80	5.11	6.88	8.85	4.05
Đầu tư tài chính dài hạn	1,739	1,665	1,636	1,659	2,472
Tài sản dài hạn khác	35.3	35.2	35.6	29.5	31.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,907	3,037	3,441	3,228	3,595
Nợ ngắn hạn	2,876	3,005	3,408	3,197	3,564
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,208	1,241	1,396	1,451	1,488
Phải trả người bán ngắn hạn	1,556	1,602	1,599	1,609	1,810
Nợ dài hạn	31.5	31.5	33.3	31.5	31.1
Vay và nợ thuê dài hạn	30.2	30.2	30.0	30.2	29.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,421	3,593	3,482	3,574	3,912
Vốn chủ sở hữu	3,421	3,593	3,482	3,574	3,912
Vốn điều lệ	2,370	2,370	2,370	2,370	2,370
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)